TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 128/2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 21 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1974
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị B, sinh năm 1978
Địa chỉ: Ấp Q, xã R, huyện S, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Anh A và chị B thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh A và chị B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2005 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện nay cháu C đang sống chung với chị B). Cháu D, sinh năm 1996, cháu Đ, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh Kim Sô Đal cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Anh A và chị B thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết

2.4 Về nợ chung: Anh A và chị B thống nhất nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

2.5 Về án phí: Án phí Dân sự về Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng. Anh A và chị B, mỗi người phải chịu 75.000 đồng nhưng anh A tự nguyện nộp 150.000 đồng, anh A đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013253 ngày 13 tháng 11 năm 2018, chuyển thu án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được hoàn lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã P, huyện S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thu Hương